

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31 /2025/DSST**
Ngày: 28/02/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM- TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Ngô Bá Đức.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Quyên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 413/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn C1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Tân H, huyện M, tỉnh B

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 294/5 khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Hòa Phú 1, xã Định Th, huyện M, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Hòa Phú 1, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 13/10/2023 đến ngày 13/11/2023 ông Đoàn Văn C1 có bán dừa trái cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu C2, bà Nguyễn Thị Thùy L, hình thức giao dừa thì trả tiền mặt, thỏa thuận miệng không có ký hợp đồng. Trong quá trình mua bán với nhau, vợ chồng ông C2 bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ngày 15/8/2024 các bên chốt lại vợ chồng ông C2 bà L còn nợ ông C1 số tiền 206.726.000 đồng. Vợ chồng ông C2 bà L cam kết trả dần cho ông C1 nhưng ông bà không thực hiện. Nay ông C1 yêu cầu ông C2 bà L liên đới trả số tiền nợ gốc

là 206.726.000 đồng và lãi suất 0,83% từ ngày 15/8/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu C2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung tranh chấp thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hòa Phú 1, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Đoàn Văn C1 và ông Nguyễn Hữu C2, bà Nguyễn Thị Thùy L có giao dịch mua bán dừa trái từ ngày 13/10/2023 đến ngày 13/11/2023. Quá trình mua bán ông C1 cho rằng ông C2 bà L còn nợ ông số tiền 206.726.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu bảy trăm hai sáu nghìn đồng) nên ông yêu cầu ông C2 bà L trả cho ông số tiền này. Chứng cứ ông C1 chứng minh cho yêu cầu của ông là «*Giấy nợ*» đề ngày 15/8/2024 có chữ ký của bên nợ là ông Nguyễn Hữu C2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C2, bà L nhưng ông bà đều không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông C1 và đối với các tài liệu, chứng cứ của ông C1 giao nộp nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C1. Do ông C2 bà L là vợ chồng, ông bà thực hiện việc mua bán nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt gia đình chung nên buộc ông C2 bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông C1 số tiền 206.726.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Ông C1 yêu cầu ông C2 bà L trả lãi chậm trả từ ngày 15/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo quy định thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, do đó ông C1 yêu cầu ông C2 bà L trả lãi chậm trả là 0,83% là phù hợp với quy định nên được chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

$206.726.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 11.038.475 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền vốn và lãi ông C2 bà L trả cho ông C1 là: 206.726.000 đồng + 11.038.475 đồng = 217.764.475 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông C1 được chấp nhận nên ông C2 bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C1.

Buộc ông Nguyễn Hữu C2, bà Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn C1 số tiền là 217.764.475 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm sáu bốn nghìn bốn trăm bảy lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 206.726.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu bảy trăm hai sáu nghìn đồng), tiền lãi là 11.038.475 đồng (mười một triệu ba tám nghìn bốn trăm bảy lăm nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Hữu C2, bà Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.888.000 đồng (mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Do ông Đoàn Văn C1 được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí đối với ông C1.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mô Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

